

THÔNG TIN TÓM TẮT VỀ TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

CÔNG TY CỔ PHẦN 28 QUẢNG NGÃI

(Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 4300346609 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 25/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 01/04/2019)

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH



CÔNG TY CỔ PHẦN 28 QUẢNG NGÃI (AGTEX)

Địa chỉ: Số 121 Lê Trung Đình, Phường Trần Hưng Đạo, Tp. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi

Điện thoại: (0255) 382 2647

Fax: (0255) 382 8507

Website: www.agtex28qng.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

Trụ sở chính: Tầng 10-11 Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3935 2722

Fax: (024) 2220 0669

Website: www.bsc.com.vn

Chi nhánh: Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3821 8886

Fax: (028) 3821 8510

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Ông Nguyễn Hoài Nam – Chức vụ: Trưởng phòng Hành chính Hậu cần

Số điện thoại liên lạc: 0905 503 757

Email: nam@agtex28qng.com



MỤC LỤC

| | |
|---|-----------|
| I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH..... | 3 |
| 1. Thông tin chung | 3 |
| 2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch..... | 4 |
| 3. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển | 4 |
| 4. Tóm tắt quá trình tăng vốn của Công ty..... | 5 |
| 5. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty | 6 |
| 6. Cơ cấu cổ đông; Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ | 13 |
| 7. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của CTCP 28 Quảng Ngãi; Những công ty mà CTCP 28 Quảng Ngãi đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với CTCP 28 Quảng Ngãi | 14 |
| 8. Hoạt động kinh doanh | 15 |
| 9. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và 2018..... | 19 |
| 10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành | 21 |
| 11. Chính sách đối với người lao động | 23 |
| 12. Chính sách cổ tức | 25 |
| 13. Tình hình tài chính | 26 |
| 14. Tài sản | 31 |
| 15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo | 32 |
| 16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty..... | 36 |
| 17. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh | 36 |
| 18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty | 38 |
| II. QUẢN TRỊ CÔNG TY | 38 |
| 1. Hội đồng Quản trị..... | 38 |
| 2. Ban kiểm soát | 43 |
| 3. Ban Điều hành..... | 46 |
| 4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty | 48 |
| III. PHỤ LỤC | 49 |



DANH MỤC BẢNG BIỂU, HÌNH ẢNH

| | |
|--|----|
| Bảng 1. Quá trình tăng vốn điều lệ..... | 6 |
| Bảng 2. Cơ cấu cổ đông của Công ty | 13 |
| Bảng 3. Danh sách cổ đông lớn của Công ty..... | 13 |
| Bảng 4. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2017 và 2018 | 17 |
| Bảng 5. Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2017 và 2018 | 18 |
| Bảng 6. Lợi nhuận gộp năm 2017 và 2018..... | 18 |
| Bảng 7. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017 và 2018..... | 19 |
| Bảng 8. Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2018..... | 24 |
| Bảng 9. Mức lương bình quân | 25 |
| Bảng 10. Tình hình chi trả cổ tức | 26 |
| Bảng 11. Các khoản phải nộp theo luật định..... | 27 |
| Bảng 12. Tình hình trích lập các Quỹ theo luật định..... | 27 |
| Bảng 13. Tình hình các khoản nợ vay | 28 |
| Bảng 14. Các khoản phải thu..... | 28 |
| Bảng 15. Các khoản phải trả..... | 29 |
| Bảng 16. Diễn biến hàng tồn kho | 29 |
| Bảng 17. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu | 30 |
| Bảng 18. Diễn biến tài sản cố định..... | 31 |
| Bảng 19. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo | 32 |
| Bảng 20. Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị Công ty | 38 |
| Bảng 21. Danh sách thành viên Ban kiểm soát của Công ty | 43 |
| Bảng 22. Danh sách thành viên Ban điều hành Công ty | 46 |
| Hình 1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức Công ty | 7 |
| Hình 2. Một số hình ảnh về Công ty..... | 12 |
| Hình 3. Một số hình ảnh sản phẩm của Công ty..... | 15 |

274
CÔNG
AN CH
HÀNG
TRIE
NHÂN
HỒ CH
7-7

CÁC KHÁI NIỆM

| TỪ NGỮ, KHÁI NIỆM | DIỄN GIẢI |
|---|---|
| Bản tóm tắt thông tin | Bản tóm tắt thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư. |
| Cổ phần | Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau. |
| Cổ phiếu | Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần. |
| Cổ đông | Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu cổ phần đã phát hành của Công ty. |
| Cổ tức | Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi thực hiện các nghĩa vụ về tài chính |
| Vốn điều lệ | Số vốn do tất cả cổ đông đóng góp và được ghi vào Điều lệ của Công ty. |
| Công ty, Tổ chức đăng ký giao dịch, AGTEX | Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi |
| Tổ chức tư vấn, BSC | Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam |
| Tổng Công ty 28 | Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 |
| UBCKNN | Ủy ban Chứng khoán Nhà nước |
| SGDCK | Sở giao dịch Chứng khoán |
| ĐHĐCĐ | Đại hội đồng cổ đông |
| HĐQT | Hội đồng quản trị |
| BKS | Ban Kiểm soát |
| BTGĐ | Ban Tổng Giám đốc |
| CTCP/ Công ty CP | Công ty cổ phần |
| CTĐC | Công ty đại chúng |
| Giấy CN ĐKDN (ĐKKD) | Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Đăng ký kinh doanh) |
| ĐKGD | Đăng ký giao dịch |
| BCTC | Báo cáo tài chính |
| HĐ SXKD | Hoạt động sản xuất kinh doanh |
| VĐL | Vốn điều lệ |
| CM | Phương thức gia công cắt - may |
| CMPT | Phương thức gia công cắt - may - đóng gói thành phẩm |
| FOB | Phương thức sản xuất hàng dệt may tự chủ nguyên liệu |
| LEAN | Quản lý tinh gọn |



I. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH

1. Thông tin chung

Tên Tiếng Việt : Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi
Loại hình công ty : Công ty cổ phần
Tên Tiếng Anh : 28 Quang Ngai Joint Stock Company
Tên viết tắt : AGTEX
Trụ sở chính : Số 121 Lê Trung Đình, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi
Điện thoại / Fax : (0255) 382 2647 Fax: (0255) 382 8507
Website : www.agtex28qng.com
Giấy CN ĐKDN : Số 4300346609 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 25/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 01/04/2019

Logo



Vốn điều lệ đăng ký : 15.110.970.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp : 15.110.970.000 đồng
Ngày trở thành CTĐC : 26/10/2018
Người đại diện theo pháp luật : Ông Lê Đức Khiêm – Tổng Giám đốc
Ngành nghề kinh doanh chính : May trang phục nam, nữ; Sản xuất quần áo trẻ em, quần áo thể thao, quần áo bảo hộ lao động.
May gia công; Sản xuất các đồ phụ trợ quần áo.
Kinh doanh hàng may mặc; Mua bán nguyên phụ liệu ngành may; Mua bán trang thiết bị ngành may; Xuất khẩu sản phẩm vật tư thiết bị phục vụ sản xuất.



2. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi
- Loại chứng khoán: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Mã chứng khoán: AQN
- Tổng số lượng chứng khoán ĐKGD: 1.511.097 cổ phiếu
- Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng: Không có
- Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

Tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu Công ty cổ phần 28 Quảng Ngãi của nhà đầu tư nước ngoài tuân theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán và Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/08/2015 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

Tính đến thời điểm 22/04/2019, số lượng cổ phần sở hữu của Nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty là 0 cổ phần, tương ứng 0% vốn điều lệ của Công ty.

3. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần 28 Quảng Ngãi tiền thân là Chi nhánh Công ty 28 Quảng Ngãi – thành viên của Tổng Công ty 28 trực thuộc Bộ Quốc phòng, được thành lập theo Quyết định số 503/2000/QĐ-BQP ngày 10/04/2000 của Bộ Quốc phòng trên cơ sở chuyển từ Xí nghiệp thương binh 27/7 của Quân khu 5 về Tổng công ty 28 ngày nay. Khi mới thành lập, Chi nhánh Công ty 28 Quảng Ngãi hoạt động với 01 dây chuyền sản xuất, 01 tổ cất và hơn 200 cán bộ nhân viên với nhiệm vụ chính là phục vụ sản xuất quốc phòng.

Trong bối cảnh nền kinh tế thị trường, nhằm tạo điều kiện thuận lợi để đơn vị nâng cao tính độc lập, tự chủ và đáp ứng yêu cầu hội nhập, vào tháng 09/2006, Bộ Quốc phòng đã có Quyết định số 2430/QĐ-BQP ngày 21/09/2006 về việc chuyển Chi nhánh Công ty 28 Quảng Ngãi thành công ty cổ phần.

Tháng 12/2006, Công ty thực hiện thành công bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng theo phương án cổ phần hóa đã được Bộ Quốc phòng phê duyệt theo Quyết định số 3610/QĐ-BQP ngày 15/12/2006, theo đó tổng số cổ phần chào bán là 1.007.398 cổ phần tương ứng mức vốn điều lệ ban đầu 10.073.980.000 đồng, trong đó Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 là doanh nghiệp Nhà nước nắm giữ 77,08% vốn điều lệ.

Công ty chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần từ ngày 25/12/2006 với tên gọi Công ty cổ phần 28 Quảng Ngãi theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4300346609 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp với trụ sở đặt tại số 121 Lê Trung Đình, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi.

Vượt qua những khó khăn ban đầu khi chuyển đổi mô hình hoạt động, Công ty đã nhanh chóng đề ra những chiến lược hoạt động và xây dựng sản xuất kinh doanh phù hợp nhằm phát huy những nền tảng, kinh nghiệm đã đạt được đáp ứng những yêu cầu của thị trường trong bối cảnh mới. Theo đó, Công ty đã xác định rõ sản phẩm chủ lực là quần áo thời trang và bảo hộ lao động, đồng thời quyết định thực hiện đầu tư mới máy móc thiết bị, xây dựng đội ngũ và cơ sở hạ tầng, kỹ thuật chuyên sâu nhằm chuẩn bị tốt các yếu tố để đón đầu cơ hội mới khi Việt Nam hội nhập sâu rộng hơn với thị trường quốc tế.

Tháng 03/2016, Công ty tiến hành tăng vốn điều lệ lên 15.110.970.000 đồng nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh.

Trải qua gần 20 năm xây dựng và phát triển, Công ty cổ phần 28 Quảng Ngãi hiện là một trong những doanh nghiệp trực thuộc Tổng Công ty 28 tiên phong trong việc sản xuất hàng dệt may phục vụ thị trường trong nước và xuất khẩu với các thị trường chủ lực như: Mỹ, Châu Âu...

Ngày 27/11/2018, Công ty được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 109/2018/GCNC-VSD với mã chứng khoán AQN, tổng khối lượng cổ phiếu lưu ký là 1.511.097 cổ phiếu.

4. Tóm tắt quá trình tăng vốn của Công ty

Kể từ khi hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ 01 lần vào tháng 03/2016, chi tiết như sau:



Bảng 1. Quá trình tăng vốn điều lệ

| Thời điểm | Vốn tăng thêm (đồng) | Vốn sau khi thay đổi (đồng) | Hình thức phát hành | Cơ sở pháp lý |
|------------------|-----------------------------|------------------------------------|--|--|
| Tháng 03/2016 | 5.036.990.000 | 15.110.970.000 | Phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn cổ phần, tỷ lệ 2:1 (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu) | <ul style="list-style-type: none">- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 05/05/2015;- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 20A/QĐ-CTCP ngày 18/02/2016;- Giấy đăng ký doanh nghiệp số 4300346609 thay đổi lần thứ 3 ngày 30/03/2016; |

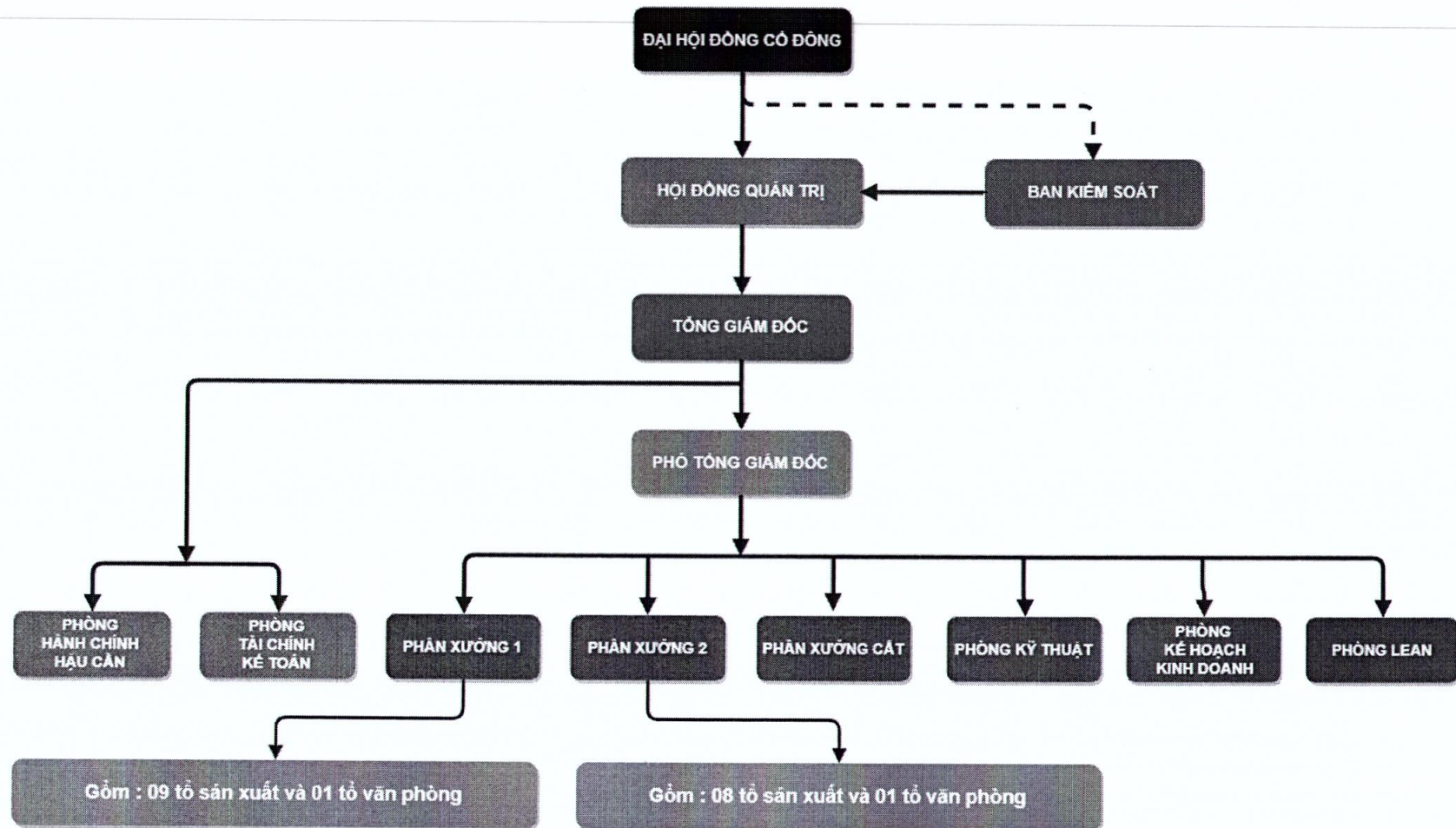
Nguồn: CTCP 28 Quảng Ngãi

5. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý của Công ty

5.1. Cơ cấu tổ chức

CTCP 28 Quảng Ngãi hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, cơ cấu tổ chức của Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:

Hình 1. Sơ đồ cơ cấu tổ chức Công ty



Nguồn: CTCP 28 Quảng Ngãi

5.2. Cơ cấu quản lý

Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần theo Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành. Cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý của Công ty gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Điều hành, Các phòng ban và các tổ sản xuất trực thuộc, cụ thể như sau:

5.2.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty, có quyền thông qua phương hướng hoạt động của Công ty; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát; thông qua báo cáo tài chính hàng năm và quyết định những vấn đề khác quy định tại Điều lệ Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần.

5.2.2. Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị có quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty, đồng thời có nhiệm vụ giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm Tổng Giám đốc Công ty.

Hội đồng quản trị của Công ty hiện tại gồm 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên điều hành và 01 thành viên không điều hành. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

5.2.3. Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt các cổ đông để kiểm soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ được giao. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 năm; các thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban Kiểm soát của Công ty hiện tại gồm 03 thành viên có chuyên môn và nghiệp vụ trong lĩnh vực tài chính kế toán, trong đó tất cả thành viên đều thường trú tại Việt Nam.

5.2.4. Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc gồm 01 Tổng Giám đốc và 02 Phó Tổng Giám đốc.

❖ Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc là người đại diện pháp luật của Công ty, đồng thời là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm và miễn nhiệm. Tổng Giám đốc không nhất thiết là cổ đông và có thể là thành viên HĐQT, tuy nhiên Tổng Giám đốc không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

❖ Phó Tổng Giám đốc

Các Phó Tổng Giám đốc là những người giúp Tổng Giám đốc quản lý điều hành một số lĩnh vực hoặc một số đơn vị trực thuộc được phân công, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, HĐQT và trước pháp luật về những lĩnh vực, đơn vị được phân công phụ trách và ủy quyền. Cụ thể:

- Phụ trách công tác điều động sản xuất; quản lý kỹ thuật và chất lượng sản phẩm; tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất của 02 phân xưởng may và 01 phân xưởng cắt nhằm đảm bảo năng suất, chất lượng sản phẩm theo kế hoạch đặt ra.
- Phụ trách quản lý Phòng Kế hoạch kinh doanh, Phòng Kỹ thuật và Phòng LEAN.

5.2.5. Các phòng ban chức năng

Các phòng chức năng có nhiệm vụ tham mưu, giúp Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc trong quản lý, điều hành hoạt động của Công ty, cụ thể như sau:

❖ Phòng Hành chính Hậu cần

- Hoạch định chiến lược và sắp xếp về nhân sự, thực hiện công tác quản trị nhân sự, bao gồm: công tác tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.
- Thực hiện chính sách, chế độ theo quy chế Công ty và quy định pháp luật, bao gồm: ký hợp đồng lao động, thực hiện công tác tiền lương và giải quyết các chế độ chính sách cho toàn thể cán bộ nhân viên trong Công ty.
- Soạn thảo các văn bản báo cáo, nội quy, quy chế, quy định và giám sát việc chấp hành, việc thực hiện quy chế trong toàn Công ty của toàn thể cán bộ nhân viên nhằm thực hiện công tác thi đua, khen thưởng và kỷ luật.



- Thực hiện công tác hành chính hậu cần, quản trị, thư ký Công ty, công tác lễ tân, đối ngoại, tổ chức sự kiện, công tác Đảng – công tác chính trị.
- Quản lý kiểm tra, giám sát tài sản của công ty, quản lý toàn thể CBCNV Công ty trong suốt quá trình sản xuất, đảm bảo an ninh, an toàn cho đơn vị.

❖ Phòng Tài chính kế toán

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám Đốc về chế độ tài chính kế toán, báo cáo thuế theo luật Nhà nước quy định.
- Quản lý thu chi của đơn vị và thực hiện các quyết định về tài chính của Tổng Giám đốc.
- Tổ chức thực hiện công tác kế toán nhằm đảm bảo hiệu quả, tránh lãng phí, đúng quy chế, chế độ hiện hành.

❖ Phòng Kế hoạch Kinh doanh

- Tham mưu cho Ban Tổng Giám Đốc và thực hiện các nghiệp vụ trong công tác lập kế hoạch, công tác thống kê tổng hợp, công tác phát triển kinh doanh.
- Xây dựng và điều hành việc thực hiện kế hoạch sản xuất của công ty, theo dõi và quản lý vật tư, cung ứng nguyên phụ liệu; thực hiện công tác xuất nhập khẩu, kho vận và điều độ sản xuất.
- Thực hiện và quản lý công tác mua sắm và bảo trì máy móc, trang thiết bị, phụ tùng phục vụ sản xuất.
- Tham gia tìm kiếm thị trường và các đối tác phù hợp, tham mưu cho Ban lãnh đạo trong việc đàm phán và ký kết hợp đồng.

❖ Phòng Kỹ thuật

- Tham mưu cho lãnh đạo Công ty về các giải pháp nhằm thực hiện tốt công tác kỹ thuật trong từng công đoạn của quá trình sản xuất nhằm đảm bảo việc tuân thủ quy trình kỹ thuật, góp phần cải tiến và nâng cao năng suất.
- Xây dựng định mức kỹ thuật, định mức sử dụng nguyên vật liệu cho đơn hàng, định mức lao động và hao phí lao động; Thống kê và theo dõi việc thực hiện việc tuân thủ các định mức sản xuất của từng đơn vị.
- Xây dựng các chỉ tiêu kỹ thuật, chất lượng sản phẩm, kiểm tra chất lượng sản phẩm đảm bảo đúng nhu cầu của khách hàng và tiêu chuẩn của công ty. Triển khai theo dõi thiết kế và sản xuất các loại sản phẩm mẫu.

CÔNG TY
BƯU SẢN CÔNG NGHIỆP
HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

274
CÔNG
IẢN C
N HÃ
T TRI
HI NH
HỒ
VI-

- Chủ động nghiên cứu và tham mưu cho Ban lãnh đạo xây dựng các chương trình thi đua nhằm khuyến khích các phòng ban, tổ sản xuất đề xuất sáng kiến nhằm cải tiến kỹ thuật và tối ưu hóa quy trình sản xuất.
- Tham mưu cho lãnh đạo Công ty trong việc đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân và thi nâng bậc hàng năm.

❖ **Phòng LEAN**

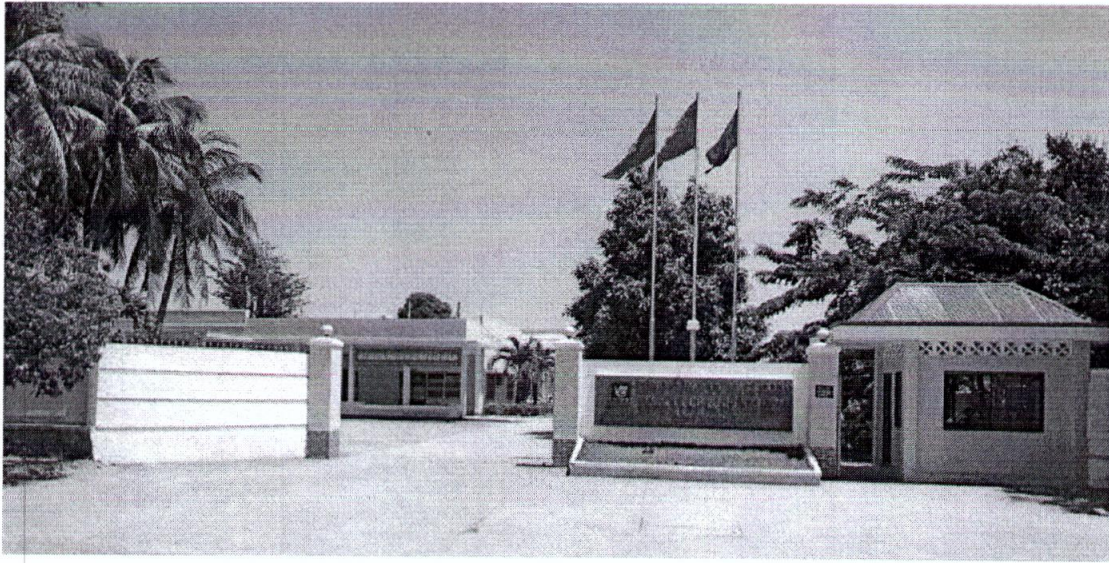
- Tham mưu cho lãnh đạo Công ty về các giải pháp nhằm quản lý tinh gọn và hiệu quả về thời gian và hiệu suất.
- Phối hợp với các phòng ban nhằm thực hiện các nghiệp vụ nghiên cứu, phân tích tạo cơ sở dữ liệu định mức thời gian thao tác chuẩn, nghiên cứu năng lực, năng suất, xây dựng quy trình chuẩn với các dây chuyền sản xuất;
- Chuẩn bị máy móc thiết bị, thiết kế dây chuyền công nghệ, phân công lao động.
- Đào tạo thao tác chuẩn cho công nhân.
- Tính toán nhằm cân bằng và xác định mức tồn kho tối ưu.
- Tổng hợp phân tích năng suất - hiệu suất, hao phí - lãng phí trong quá trình sản xuất.

❖ **Các Phân xưởng sản xuất:** Bao gồm 02 phân xưởng may và 01 phân xưởng cắt, được tổ chức thành các tổ sản xuất và tổ văn phòng, có chức năng, nhiệm vụ:

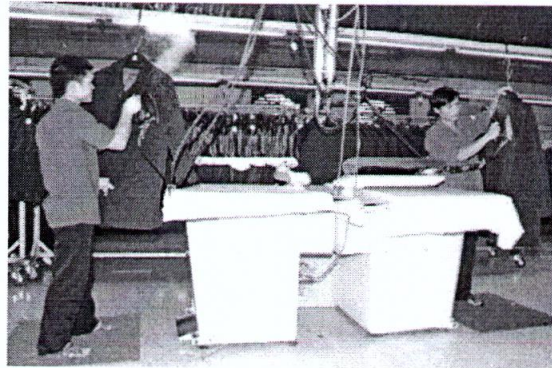
- Thực hiện tổ chức sản xuất và bố trí sử dụng lao động nhằm đảm bảo năng suất, chất lượng và thời gian theo kế hoạch đã được phê duyệt.
- Trực tiếp giải quyết các phát sinh trong quá trình sản xuất.

CHỖ ĐÓNG CHỮ VÀ CHỮ KÝ
TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY
ĐĂNG KÝ
N V
H TH
HÍ M
P H

Hình 2. Một số hình ảnh về Công ty



Trụ sở Công ty



Các phân xưởng sản xuất

C. T.
HOÀN
TU VÀ
T NÀ
NH PH
NH
CHỈ



6. Cơ cấu cổ đông; Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 22/04/2019

Bảng 2. Cơ cấu cổ đông của Công ty

| TT | Họ và tên | Số lượng | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ/VĐL |
|----------|---------------------------|------------|--------------------|----------------|
| 1 | Cổ đông trong nước | 235 | 1.511.097 | 100,00% |
| 1.1 | Cá nhân | 234 | 346.350 | 22,92% |
| 1.2 | Tổ chức | 1 | 1.164.747 | 77,08% |
| 2 | Cổ đông nước ngoài | - | - | - |
| 2.1 | Cá nhân | - | - | - |
| 2.2 | Tổ chức | - | - | - |
| 3 | Cổ phiếu quỹ | - | - | - |
| | Tổng cộng | 235 | 1.511.097 | 100,00% |

Nguồn: Danh sách cổ đông CTCP 28 Quảng Ngãi chốt tại ngày 22/04/2019

6.2. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn trở lên tại thời điểm 22/04/2019

Bảng 3. Danh sách cổ đông lớn của Công ty

| TT | Tên cổ đông | Số CMND/ GCNĐKKĐ | Địa chỉ | Số lượng CP nắm giữ | Tỷ lệ/ VĐL |
|----|----------------------------------|---------------------|---|------------------------|---------------|
| 1 | Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 | 0300516772 | 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh | 1.164.747 | 77,08% |
| 2 | Bùi Văn Hóa | 2123744547 | Tổ 24, Phường Trần Phú, Tp. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi | 126.550 | 8,37% |
| | Tổng cộng | | | 1.291.297 | 85,45% |

Nguồn: Danh sách cổ đông CTCP 28 Quảng Ngãi chốt tại ngày 22/04/2019

6.3. Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ

Theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, cổ đông sáng lập bị hạn chế chuyển nhượng cổ phần của mình trong 3 năm kể từ ngày thành lập. Công ty cổ phần 28 Quảng Ngãi chính thức hoạt động theo hình thức công ty cổ phần theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số

CTCP CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM



4300346609 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Tỉnh Quảng Ngãi cấp lần đầu ngày 25/12/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 03 ngày 30/03/2016, đến nay cổ phiếu của các cổ đông sáng lập không còn bị hạn chế chuyển nhượng.

7. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của CTCP 28 Quảng Ngãi; Những công ty mà CTCP 28 Quảng Ngãi đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với CTCP 28 Quảng Ngãi

7.1. Công ty mẹ, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc chi phối đối với CTCP 28 Quảng Ngãi

Công ty mẹ: **Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28**

Trụ sở chính: 03 Nguyễn Oanh, Phường 10, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3894 2238

Fax: 028 3894 3053

Website: www.agtex.com.vn

Giấy CN ĐKDN số: 0300516772 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18/02/2011, thay đổi lần thứ ba ngày 06/04/2018

Vốn điều lệ: 700.000.000.000 đồng

Ngành nghề kinh doanh chính:

- Sản xuất và kinh doanh sản phẩm dệt may;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị hóa chất phục vụ ngành dệt, nhuộm;
- Kinh doanh xăng dầu;
- Kinh doanh bất động sản và đầu tư phát triển hạ tầng khu công nghiệp;

Chi tiết khoản đầu tư tại CTCP 28 Quảng Ngãi:

- Giá trị vốn góp: 11.647.470.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu: 77,08%

7.2. Các công ty con của CTCP 28 Quảng Ngãi

Không có.

7.3. Các công ty mà CTCP 28 Quảng Ngãi nắm giữ quyền kiểm soát hoặc chi phối

Không có.



8. Hoạt động kinh doanh

8.1. Sản phẩm và dịch vụ chính

8.1.1. Sản xuất và kinh doanh hàng may mặc

Trải qua gần 20 năm hình thành và phát triển, từ một đơn vị hậu cần đơn thuần chuyên sản xuất hàng may mặc phục vụ quốc phòng, an ninh, Công ty Cổ phần 28 Quảng Ngãi có những bước chuyển mình mạnh mẽ để trở thành doanh nghiệp có kế hoạch và chiến lược kinh doanh phù hợp với thị trường, đồng thời từng bước xây dựng và khẳng định thương hiệu riêng trên thị trường Việt Nam cũng như vươn tầm ra thế giới.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty hiện tại là sản xuất và gia công hàng may mặc phục vụ cả thị trường trong nước và xuất khẩu, với sản phẩm chủ đạo là mặt hàng thời trang và đồ bảo hộ lao động.

Đối với thị trường xuất khẩu:

Hiện tại, trên 90% doanh thu của Công ty đến từ hoạt động xuất khẩu. Những sản phẩm chủ lực của Công ty như: Quần áo bảo hộ lao động, áo khoác, áo Jacket, áo kiểu nữ, áo Ghile, váy, đầm kiểu... được xuất khẩu tới nhiều quốc gia như Mỹ (khoảng 45%), Châu Âu (khoảng 40%), Nhật Bản (5%)... Trong đó, phương thức sản xuất theo FOB là chủ đạo, chiếm tới trên 95% doanh thu xuất khẩu, phần còn lại đến từ sản xuất theo hình thức khác như CM, CMPT... với tỷ trọng tương đối nhỏ. Các sản phẩm của Công ty, đặc biệt là những sản phẩm quần áo bảo hộ lao động được thị trường đánh giá cao về mẫu mã và chất lượng, theo đó Công ty đã hợp tác với những khách hàng nước ngoài sở hữu những nhãn hiệu hoặc chuỗi phân phối nổi tiếng như: Snickers Workwear (Thụy Điển), Aitoz (Nhật Bản), Kurodaruma (Nhật Bản), Li & Fung (Hồng Kông), Next (Anh), Primark (Anh), Guess (Mỹ), Jcpenney (Mỹ), Original Marines (Mỹ)...

Đối với thị trường trong nước:

Là đơn vị trực thuộc Tổng cục Hậu cần, Công ty đảm nhiệm vai trò sản xuất các sản phẩm quân phục cho các đơn vị trực thuộc Quân đội với số lượng, chủng loại từng sản phẩm theo chỉ tiêu do Tổng cục Hậu cần phân bổ cho từng đơn vị thành viên. Ngoài ra, Công ty còn đảm nhiệm vai trò gia công cho Công ty mẹ và các đơn vị thành viên trực thuộc Tổng Công ty theo sự điều tiết và phân bổ của Tổng Công ty 28, tuy nhiên doanh thu từ hoạt động này không đáng kể.

Hình 3. Một số hình ảnh sản phẩm của Công ty



Quần áo bảo hộ lao động



Quần áo thời trang nam, nữ

Hiện tại, Công ty đang sở hữu 01 nhà máy sản xuất bao gồm 15 chuyền may và 01 phân xưởng cắt với trên 800 lao động, có khả năng cung cấp ra thị trường trên 1,5 triệu sản phẩm mỗi năm.

❖ **Một số chứng nhận về năng lực sản xuất đã đạt được**

- Chứng chỉ ISO 9001: 2008 (hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO) do Hiệp hội Tiêu chuẩn Pháp (AFNOR) đánh giá cấp;
- Chứng nhận nhà máy từ các thương hiệu: Peerless Clothing International, Jcpenney, Next, Dimensions, Debenhams, Primark;

8.1.2. Hoạt động kinh doanh khác

Bên cạnh hoạt động chính là sản xuất và kinh doanh hàng may mặc, Công ty còn đa dạng hóa nguồn thu từ việc cung cấp dịch vụ cho thuê mặt bằng. Cụ thể, Công ty ký kết hợp đồng với Công ty mẹ - Tổng Công ty 28, theo đó cho Tổng Công ty 28 thuê lại phần diện tích 83m² tại số 121 Lê Trung Đình để làm văn phòng trưng bày và giới thiệu sản phẩm, giá thuê cố định 11 triệu đồng/tháng trong năm 2019 và 11,5 triệu đồng/tháng trong năm 2020.

8.2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ qua các năm

Bảng 4. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: Đồng

| Khoản mục | Năm 2017 | | Năm 2018 | |
|--------------------------|------------------------|-------------|------------------------|-------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng |
| Doanh thu bán thành phẩm | 295.140.545.617 | 93,89% | 261.836.904.842 | 93,34% |
| Doanh thu gia công | 16.943.506.205 | 5,39% | 15.619.530.004 | 5,57% |
| Doanh thu bán hàng hóa | 2.096.098.764 | 0,67% | 2.878.472.455 | 1,03% |
| Doanh thu dịch vụ | 154.661.160 | 0,05% | 176.458.569 | 0,06% |
| Tổng cộng | 314.334.811.746 | 100% | 280.511.365.870 | 100% |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của CTCP 28 Quảng Ngãi

8.3. Chi phí sản xuất kinh doanh qua các năm



Bảng 5. Chi phí sản xuất kinh doanh
Đơn vị tính: Đồng

| Khoản mục | Năm 2017 | | Năm 2018 | |
|----------------------------------|------------------------|----------------|------------------------|---------------|
| | Giá trị | %DTT | Giá trị | %DTT |
| Giá vốn hàng bán | 289.985.735.023 | 92,25% | 244.693.529.042 | 87,23% |
| Chi phí tài chính | 2.114.886.087 | 0,67% | 3.006.242.933 | 1,07% |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | <i>2.070.181.412</i> | <i>0,66%</i> | <i>1.615.802.459</i> | <i>0,58%</i> |
| Chi phí bán hàng | 12.373.916.971 | 3,94% | 7.450.996.951 | 2,66% |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 14.659.373.716 | 4,66% | 20.484.678.489 | 7,30% |
| Tổng cộng | 319.133.911.797 | 101,53% | 275.635.447.415 | 98,26% |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của CTCP 28 Quảng Ngãi
8.4. Lợi nhuận gộp qua các năm
Bảng 6. Lợi nhuận gộp
Đơn vị tính: Đồng

| Khoản mục | Năm 2017 | | Năm 2018 | |
|-----------------------------|-----------------------|--------------|-----------------------|---------------|
| | Giá trị | %DTT | Giá trị | %DTT |
| Lợi nhuận từ bán thành phẩm | 23.767.463.109 | 7,56% | 30.614.152.222 | 10,91% |
| Lợi nhuận gia công | 1.277.851.825 | 0,41% | 3.558.405.836 | 1,27% |
| Lợi nhuận bán hàng hóa | 1.574.339.577 | 0,50% | (630.495.575) | (0,22%) |
| Lợi nhuận dịch vụ | 154.661.160 | 0,05% | 176.458.569 | 0,06% |
| Lợi nhuận khác (*) | (2.425.238.948) | (0,77%) | 2.099.315.776 | 0,75% |
| Tổng cộng | 24.349.076.723 | 7,75% | 35.817.836.828 | 12,77% |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của CTCP 28 Quảng Ngãi

(*) Năm 2017, Công ty tiến hành kiểm kê và phát hiện việc hao hụt lượng hàng tồn kho giá trị 2.425.238.948 đồng và ghi nhận khoản hao hụt này vào giá vốn hàng bán trong kỳ. Công ty đã thành lập hội đồng xử lý và xác định được nguyên nhân cơ bản do sơ suất trong quy trình tiếp nhận nguyên vật liệu gia công từ đối tác: khách hàng bàn giao nguyên vật liệu với số lượng thực tế không đúng với các chứng từ kế toán, dẫn tới việc thiếu hụt giữa giá trị sổ sách và số liệu kiểm kê thực tế.



Theo đó, căn cứ trên Biên bản xử lý, Công ty đã tiến hành thu hồi một phần giá trị hàng tồn kho thiếu hụt từ các cá nhân chịu trách nhiệm, và phần còn lại được khách hàng chấp thuận cần trừ vào các đơn đặt hàng tiếp theo. Được sự chấp thuận của Kiểm toán nhà nước (kiểm toán đơn vị là thành viên trực thuộc Bộ Quốc Phòng), Công ty đã điều chỉnh hoàn nhập giá trị hàng tồn kho hao hụt trong năm 2017 vào năm 2018, dẫn tới việc ghi nhận khoản lợi nhuận bất thường trong năm.

9. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và 2018

9.1. Tóm tắt kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2017 và 2018

Bảng 7. Kết quả sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: Đồng

| Chỉ tiêu | Năm 2017 | Năm 2018 | % tăng giảm |
|--------------------------------|-----------------|-----------------|-------------|
| Tổng tài sản | 89.681.995.662 | 72.061.930.464 | (19,65%) |
| Vốn chủ sở hữu | 14.973.101.870 | 21.837.271.293 | 45,84% |
| Doanh thu thuần | 314.334.811.746 | 280.511.365.870 | (10,76%) |
| Lợi nhuận từ HĐKD | (4.295.775.591) | 6.176.273.289 | - |
| Lợi nhuận khác | 513.535.606 | 1.737.433.683 | 238,33% |
| Lợi nhuận trước thuế | (3.782.239.985) | 7.913.706.972 | - |
| Lợi nhuận sau thuế | (3.784.858.287) | 6.864.169.423 | - |
| Giá trị sổ sách / cổ phần | 9.909 | 14.451 | 45,84% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%) | - | 15% | - |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của CTCP 28 Quảng Ngãi

Năm 2017, Công ty gặp phải khó khăn khi giá nguyên vật liệu đầu vào biến động và việc quản lý hàng tồn kho chưa hiệu quả. Đặc biệt, là đơn vị sản xuất sử dụng nhiều lao động, việc mức lương cơ sở tăng từ 01/07/2017 gây áp lực lên chi phí giá vốn, dẫn đến lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trong năm của Công ty bị âm.

Bước sang năm 2018, Công ty đã có những cải tiến tích cực trong việc quản lý nguyên vật liệu sản xuất, thiết lập quy trình chặt chẽ trong việc tiếp nhận nguyên vật liệu đầu vào và theo dõi nguyên vật liệu theo từng đơn hàng, đồng thời tiến hành kiểm kê định kỳ 06 tháng/lần nhằm hạn chế tối đa việc thất thoát nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất. Năm 2018, Công ty cũng ghi nhận khoản lợi nhuận bất thường 2,1 tỷ đồng do việc điều chỉnh hoàn nhập 2,4 tỷ đồng giá trị hàng tồn kho hao hụt năm 2017 chuyển sang (sau khi đã kết chuyển 325 triệu đồng trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho vào giá vốn trong kỳ).

Tại BCTC kiểm toán năm 2018 của CTCP 28 Quảng Ngãi, Công ty TNHH Hăng kiểm toán AASC đã có Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong năm là sản xuất và gia công theo đơn đặt hàng của khách hàng. Công ty chưa theo dõi được chi tiết nguyên vật liệu tồn kho theo từng đơn hàng cụ thể, bằng các thủ tục kiểm toán thay thế khác, Đơn vị kiểm toán không thể đánh giá được giá trị thuần có thể thực hiện được của chi phí nguyên vật liệu trong hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2018 đang được trình bày với giá gốc 14,17 tỷ VND. Do đó, đơn vị kiểm toán không thể ước tính được số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần trích lập (nếu có) đối với chi phí nguyên vật liệu tồn kho nêu trên.

Ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trong yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

9.2. Một số yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty**❖ Thuận lợi:**

- Với xuất phát điểm là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ chi nhánh của Tổng Công ty 28 - trực thuộc Tổng cục Hậu cần - Bộ Quốc phòng, Công ty CP 28 Quảng Ngãi có được nền tảng hoạt động về kỹ thuật, công nghệ, đồng thời có sự chủ động trong chiến lược phát triển để gây dựng thị phần cũng như tạo lập giá trị thương hiệu riêng.
- Với trên 80% lao động là nữ, Công ty được hưởng nhưng ưu đãi về giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối trường hợp doanh nghiệp sản xuất sử dụng nhiều lao động nữ, căn cứ trên những quy định của pháp luật.
- Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và các hiệp định thương mại tự do (FTA) được ký kết và sớm có hiệu lực, trong đó có các vấn đề về mở rộng thị trường, tìm kiếm khách hàng mới, giảm thuế xuất khẩu theo lộ trình là nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến toàn ngành Dệt may Việt Nam nói chung và tạo động lực phát triển cho Công ty nói riêng, khi doanh thu chủ yếu của Công ty đến từ hoạt động xuất khẩu.

❖ Khó khăn

- Kết thúc năm 2018, kinh tế trong nước tăng trưởng ổn định nhưng vẫn tồn tại nhiều khó khăn và thách thức, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều biến động.
- Việc ký kết CTTPP và các FTA mở ra nhiều cơ hội nhưng cũng đặt Ngành Dệt may trước không ít thách thức từ sự cạnh tranh quyết liệt với hàng nhập khẩu, với các doanh nghiệp FDI và giữa các doanh nghiệp nội địa với nhau, theo đó Công ty cần chủ động và sáng tạo hơn nữa để cải tiến mẫu mã, công nghệ để tăng sức cạnh tranh trên thị trường.
- Bên cạnh đó, giá nguyên vật liệu đầu vào liên tục biến động, các loại chi phí lương, bảo hiểm cho người lao động tăng theo quy định của pháp luật và khó khăn trong việc tuyển thêm nhân lực ngành may cũng đã phần nào ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**10.1. Vị thế của công ty trong ngành**

Ngành Dệt may là một trong các ngành xuất khẩu trọng tâm của Việt Nam, đồng thời cũng là ngành có số lượng doanh nghiệp khá lớn. Do đó, mức độ cạnh tranh trong ngành rất cao, đặc biệt đối với các doanh nghiệp nhỏ lẻ và doanh nghiệp đang trong giai đoạn phát triển.

CTCP 28 Quảng Ngãi là một trong những đơn vị thành viên của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28. Sau gần 13 năm hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, Công ty được Tổng Công ty 28 đánh giá là một trong những đơn vị hoạt động chủ động, hiệu quả và trở thành một trong những doanh nghiệp may mặc hàng đầu của miền Trung. Tận dụng và phát huy tối đa thế mạnh truyền thống trong lĩnh vực sản xuất hàng thời trang và bảo hộ lao động, đồng thời tích cực đầu tư vào hệ thống máy móc thiết bị hiện đại được nhập từ các nước tiên tiến trên thế giới như: Nhật, Đức..., Công ty đã tạo dựng được thị phần và uy tín nhất định, sản phẩm của Công ty được các khách hàng trong và ngoài nước đánh giá cao.

Tuy vậy, là một doanh nghiệp dệt may với quy mô vừa và nhỏ, Công ty chịu sức ép cạnh tranh không chỉ đến từ nội bộ các đơn vị thành viên trong Tổng Công ty, từ các doanh nghiệp khác trong nước mà còn đến từ cạnh tranh trực tiếp với các doanh nghiệp FDI.

Với tôn chỉ "*Thân thiện - Chuyên nghiệp - Năng động - Phát triển*", Công ty không ngừng đổi mới và cải tiến trong hoạt động, thay đổi các chiến lược kinh doanh cho phù hợp tình hình thị trường và huy động tối đa công suất sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm để tạo doanh thu và đóng góp vào sự phát triển chung của Tổng Công ty và của ngành Dệt may Việt Nam.

103
TY
AN
TÀI
SUNAN
1
G T
HUN
NG
IEN
INH
CHI
T.P

10.2. Triển vọng phát triển của ngành

Theo Tổng cục Thống kê, năm 2018, ngành Dệt may Việt Nam đã có bước tăng trưởng đột phá với kim ngạch xuất khẩu kỷ lục đạt trên 36 tỷ USD, tăng 16,01% so với năm 2017, giá trị thặng dư ngành đạt trên 17 tỷ USD. Những thị trường trọng điểm như Mỹ, EU và các nước khối CPTPP đều tăng mạnh với tốc độ tăng vượt trội so với cùng kỳ năm 2017; các mặt hàng xuất khẩu bứt phá mạnh trong năm 2018 là áo thun, áo jacket, áo sơ mi...

❖ Thuận lợi

Theo phân tích của các chuyên gia dựa trên nhu cầu dệt may toàn cầu và tại một số thị trường nhập khẩu lớn, Năm 2019 hứa hẹn sẽ tiếp tục là năm khởi sắc của Ngành Dệt may Việt Nam với những lợi thế đến từ các hiệp định CPTPP, FTA và chiến tranh thương mại Mỹ - Trung.

Cụ thể, Hiệp định CPTPP tác động không đáng kể trong ngắn hạn do quy tắc về nguồn gốc xuất xứ "từ sợi trở đi" khó đáp ứng và 7/10 quốc gia thành viên hiện tại đã có các hiệp định thương mại với Việt Nam, tuy vậy Hiệp định mở ra cơ hội cho việc khởi động lại các dự án sợi dệt nhằm đón đầu TPP trong giai đoạn trước cũng như tiềm năng xuất khẩu sang thị trường Australia và Canada. Trong khi đó, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Châu Âu (EVFTA) được đánh giá có tác động tích cực trong trung – dài hạn. EU là thị trường xuất khẩu lớn thứ 2 của dệt may Việt Nam, với kỳ vọng 42,5% dòng thuế áp dụng đối với các sản phẩm dệt may sẽ giảm về 0% ngay khi Hiệp định có hiệu lực, còn lại sẽ giảm về 0% theo lộ trình 3-7 năm sẽ giúp hàng hóa Việt Nam trở nên cạnh tranh hơn trên thị trường quốc tế.

Chiến tranh thương mại Mỹ - Trung cũng là yếu hỗ trợ cho xu hướng dịch chuyển sản xuất hàng hóa dệt may từ Trung Quốc sang Việt Nam. Ước tính nếu lấy được 1% thị phần hàng may mặc Trung Quốc xuất sang Mỹ, kim ngạch xuất khẩu sẽ tăng 70%.

❖ Khó khăn

Tuy vậy, vẫn tồn tại không ít thách thức cho ngành Dệt may, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm với nhiều bất ổn, sự gia tăng của chủ nghĩa bảo hộ cùng nhiều hạn chế nội tại của ngành cần được khắc phục.

Lợi thế cạnh tranh về nhân công giá rẻ suy giảm kéo theo đơn hàng có thể dịch chuyển sang các thị trường lân cận như Bangladesh, Pakistan, Campuchia, Myanmar...

Ngoài ra, rủi ro từ việc truy xuất nguồn gốc nguyên phụ liệu và áp thuế bổ sung. Không loại trừ khả năng Mỹ sẽ tiến hành truy xuất nguồn gốc các sản phẩm dệt may sản xuất tại Việt Nam để hạn chế các sản phẩm có nguồn gốc nguyên phụ liệu từ Trung Quốc. Do đó, bắt buộc

các doanh nghiệp trong nước phải chủ động đa dạng hóa thị trường cung ứng nguyên phụ liệu may mặc thay vì phụ thuộc vào nguồn cung từ Trung Quốc như hiện tại.

Mặt khác, các doanh nghiệp dệt may nội địa của Việt Nam gặp phải sự cạnh tranh gay gắt từ các doanh nghiệp FDI. Các doanh nghiệp FDI tuy chỉ chiếm 25% tổng số doanh nghiệp dệt may tại Việt Nam nhưng lại chiếm khoảng 70% tổng kim ngạch xuất khẩu từ Việt Nam nhờ vào sự hỗ trợ nguồn hàng từ Công ty mẹ tại nước ngoài. Việc những doanh nghiệp FDI sở hữu những lợi thế cạnh tranh vượt trội như nguồn nhân lực có kinh nghiệm, năng lực tốt; vốn mạnh - đầu tư máy móc thiết bị hiện đại...là những thách thức không nhỏ đối với doanh nghiệp dệt may trong nước.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Số lượng người lao động trong Công ty

Quy mô và cơ cấu lao động trong Công ty **tại thời điểm 31/12/2018** như sau:

Bảng 8. Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2018

| Tiêu chí | Số lượng (người) | Tỷ lệ |
|---|---------------------|----------------|
| Theo đối tượng lao động | 806 | 100,00% |
| Sĩ quan | 03 | 0,37% |
| Quân nhân chuyên nghiệp | 03 | 0,37% |
| Công nhân viên quốc phòng | 01 | 0,13% |
| Lao động hợp đồng không xác định thời hạn | 725 | 89,95% |
| Lao động hợp đồng có xác định thời hạn từ 12 đến 36 tháng | 74 | 9,18% |
| Theo giới tính | 806 | 100,00% |
| Nam | 157 | 19,48% |
| Nữ | 649 | 80,52% |
| Theo trình độ | 806 | 100,00% |
| Cao học | 03 | 0,37% |
| Đại học | 25 | 3,10% |
| Cao đẳng, trung cấp | 59 | 7,32% |
| Sơ cấp | 47 | 5,83% |
| Lao động phổ thông | 672 | 83,37% |

Nguồn: CTCP 28 Quảng Ngãi

11.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

11.2.1. Chính sách đào tạo

Công ty luôn chú trọng công tác đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ công nhân viên.

- **Đối với nhân viên nghiệp vụ:** Công ty luôn tạo điều kiện để cho toàn thể cán bộ công nhân viên có cơ hội học hỏi, trau dồi kiến thức về chuyên môn và chính trị, áp dụng những kiến thức thu được sau khóa học vào công việc để phát triển nghề nghiệp, nâng cao giá trị bản thân, thăng tiến trong tương lai cũng như phục vụ cho sự phát triển của công ty;
- **Đối với người lao động phổ thông:** Công ty thành lập bộ phận đào tạo để dạy may cho những công nhân chưa có tay nghề làm việc cho công ty. Hàng năm, Công ty tổ chức đào tạo thi nâng bậc kỹ thuật cho người lao động và xem xét nâng lương. Đây là chính sách giúp người lao động có điều kiện rèn luyện, nâng cao tay nghề và cải thiện thu nhập tương xứng với kỹ năng và trình độ.

11.2.2. Chính sách lương thưởng, trợ cấp

Người lao động được thanh toán lương theo quy chế của Công ty, căn cứ trên thang bảng lương do Nhà nước quy định, căn cứ trên đơn giá sản phẩm và mức độ hoàn thành công việc nhằm đảm bảo thu nhập và động viên, khuyến khích người lao động nâng cao năng suất, cụ thể như sau:

- Được hưởng các chế độ, quyền lợi theo quy định nhà nước và công ty.
- Tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN.
- Các khoản phụ cấp, thưởng: thưởng vượt năng suất, chất lượng sản phẩm; thưởng hoàn thành nhiệm vụ tháng; thưởng lễ, tết; thưởng phong trào thi đua quyết thắng....theo quy chế của Công ty.

Tổng số lao động sử dụng bình quân trong năm 2018 là 810 người, chủ yếu là lao động trực tiếp. Mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng Công ty vẫn duy trì việc làm thường xuyên cho người lao động. Theo đó mức thu nhập bình quân của người lao động đều tăng qua các năm, thu nhập bình quân năm 2018 là 6.834.313 đồng/người/tháng. Công ty tuân thủ nghiêm túc quy trình tuyển dụng và ký kết hợp đồng lao động, đồng thời thực hiện đầy đủ các chế độ về tiền lương, chế độ BHXH, công tác bảo hộ lao động, huấn luyện an toàn lao động... cho người lao động theo đúng pháp luật quy định pháp luật và quy chế Công ty.

11.2.3. Mức thu nhập bình quân**Bảng 9. Mức thu nhập bình quân**

| Năm | Đơn vị tính | Mức thu nhập bình quân |
|----------|------------------|------------------------|
| Năm 2016 | Đồng/người/tháng | 6.186.763 |
| Năm 2017 | Đồng/người/tháng | 6.424.536 |
| Năm 2018 | Đồng/người/tháng | 6.834.313 |

Nguồn: CTCP 28 Quảng Ngãi

12. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị Công ty đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cổ tức cho cổ đông khi đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật, đã trích lập các quỹ Công ty và bù lỗ trước đó theo quy định và Điều lệ Công ty.

- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quy định của pháp luật.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới. Cổ tức được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Tình hình chi trả cổ tức**Bảng 10. Tình hình chi trả cổ tức**

| Năm | Tỷ lệ cổ tức/ Vốn điều lệ | Hình thức chi trả | Trạng thái |
|---------------------|------------------------------|-------------------|------------|
| Năm 2016 | 15% | Tiền mặt | Đã chi trả |
| Năm 2017 | 5% | Tiền mặt | Đã chi trả |
| Năm 2018 (kế hoạch) | 15% | Tiền mặt | Đã tạm ứng |

Nguồn: CTCP 28 Quảng Ngãi

13. Tình hình tài chính**13.1. Các chỉ tiêu cơ bản****13.1.1. Trích khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc. Trong quá trình sử dụng, Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính ban hành chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ.

Theo đó thời gian khấu hao được ước tính cụ thể như sau:

| Loại tài sản | Thời gian khấu hao (năm) |
|---------------------------------|--------------------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 – 50 |
| Máy móc, thiết bị | 05 – 10 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 – 10 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 05 – 12 |
| Tài sản cố định khác | 05 |

274
CÔNG
N CHỦ
IANG
TRIE
HÁNH
Ồ CHÍ
- 7.P

13.1.2. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty đã thực hiện việc thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ. Đến thời điểm 31/12/2018, Công ty không có khoản nợ phải trả xấu, không phát sinh nợ ân hạn, gia hạn.

13.1.3. Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện tốt các khoản phải nộp theo luật định:

Bảng 11. Các khoản phải nộp theo luật định*Đơn vị tính: Đồng*

| Khoản mục | 31/12/2017 | 31/12/2018 |
|--|-------------------|--------------------|
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 13.604.531 | 957.365.943 |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | - |
| Thuế xuất nhập khẩu | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | - | 957.365.943 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 13.604.531 | - |
| Các loại thuế khác | - | - |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của CTCP 28 Quảng Ngãi

13.1.4. Trích lập các quỹ theo luật định

Công ty thực hiện tốt việc trích lập quỹ đúng theo Điều lệ công ty và theo luật định. Mức trích lập cụ thể cho từng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định trên cơ sở đề xuất của Hội đồng quản trị.

Bảng 12. Tình hình trích lập các Quỹ theo luật định*Đơn vị tính: Đồng*

| STT | Các quỹ của công ty | 31/12/2017 | 31/12/2018 |
|------------------|---------------------------|----------------------|----------------------|
| 1 | Quỹ đầu tư phát triển | 2.586.548.233 | 2.586.548.233 |
| 2 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 1.291.770.427 | 388.994.724 |
| Tổng cộng | | 3.878.318.660 | 2.975.542.957 |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của CTCP 28 Quảng Ngãi

CTCP CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
HÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
CHỖ CHỮ KÝ

13.1.5. Tổng dư nợ vay

Bảng 13. Tình hình các khoản nợ vay

Đơn vị tính: Đồng

| STT | Khoản mục | 31/12/2017 | 31/12/2018 |
|----------|--|-----------------------|-----------------------|
| 1 | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 35.356.014.828 | 14.138.608.099 |
| | Ngân hàng TMCP Quân đội – CN Đà Nẵng | 35.356.014.828 | 14.138.608.099 |
| 2 | Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | - | - |
| | Tổng cộng | 35.356.014.828 | 14.138.608.099 |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của CTCP 28 Quảng Ngãi

13.1.6. Tình hình công nợ hiện nay

Bảng 14. Các khoản phải thu

Đơn vị: Đồng

| STT | Khoản mục | 31/12/2017 | 31/12/2018 |
|----------|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| 1 | Các khoản phải thu ngắn hạn | 25.021.489.012 | 23.057.639.378 |
| 1.1 | Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 23.470.364.180 | 19.294.899.158 |
| 1.2 | Trả trước cho người bán ngắn hạn | 1.834.464.409 | 1.201.877.023 |
| 1.3 | Phải thu ngắn hạn khác | 276.740.169 | 3.205.872.571 |
| 1.4 | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | (645.009.374) | (645.009.374) |
| 1.5 | Tài sản thiếu chờ xử lý | 84.929.628 | - |
| 2 | Các khoản phải thu dài hạn | - | - |
| | Tổng cộng | 25.021.489.012 | 23.057.639.378 |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của CTCP 28 Quảng Ngãi



Bảng 15. Các khoản phải trả

Đơn vị: Đồng

| STT | Khoản mục | 31/12/2017 | 31/12/2018 |
|----------|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| 1 | Nợ ngắn hạn | 74.708.893.792 | 50.224.659.171 |
| 1.1 | Phải trả ngắn hạn người bán | 26.069.915.206 | 20.492.537.652 |
| 1.2 | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 10.000.000 | - |
| 1.3 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 13.604.531 | 957.365.943 |
| 1.4 | Phải trả người lao động | 10.412.959.016 | 12.541.153.046 |
| 1.5 | Chi phí phải trả ngắn hạn | 514.652.633 | 632.807.017 |
| 1.6 | Phải trả ngắn hạn khác | 1.039.977.151 | 1.073.192.690 |
| 1.7 | Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 35.356.014.828 | 14.138.608.099 |
| 1.8 | Quỹ khen thưởng phúc lợi | 1.291.770.427 | 388.994.724 |
| 2 | Nợ dài hạn | - | - |
| | Tổng cộng | 74.708.893.792 | 50.224.659.171 |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của CTCP 28 Quảng Ngãi

13.1.7. Hàng tồn kho

Bảng 16. Chi tiết hàng tồn kho

Đơn vị: Đồng

| STT | Khoản mục | 31/12/2017 | 31/12/2018 |
|----------|---------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| 1 | Hàng tồn kho | 42.299.149.151 | 32.620.557.784 |
| 1.1 | Nguyên vật liệu | 24.163.446.694 | 14.170.220.902 |
| 1.2 | Công cụ, dụng cụ | 18.770.900 | 10.973.683 |
| 1.3 | Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 6.469.308.921 | 3.871.732.611 |
| 1.4 | Thành phẩm | 11.556.694.636 | 14.567.630.588 |
| 1.5 | Hàng hóa | 80.928.000 | - |
| 2 | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | - | 325.923.172 |
| | Thành phẩm | - | 325.923.172 |
| | Tổng cộng | 42.299.149.151 | 32.294.634.612 |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của CTCP 28 Quảng Ngãi



13.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 17. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Năm 2017 | Năm 2018 |
|--|-------------|----------|----------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn | Lần | 1,03 | 1,20 |
| + Hệ số thanh toán nhanh: Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Tổng nợ ngắn hạn | Lần | 0,46 | 0,55 |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 83,30 | 69,70 |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 498,95 | 230,00 |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| + Vòng quay Hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân | Vòng | 6,37 | 6,56 |
| + Vòng quay Tổng tài sản: Doanh thu thuần Tổng tài sản bình quân | Vòng | 3,40 | 3,47 |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | (1,20) | 2,45 |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | % | (20,35) | 37,29 |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản bình quân | % | (4,10) | 8,49 |
| + Hệ số lợi nhuận từ Hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | % | (1,37) | 2,20 |
| + Thu nhập trên vốn cổ phần EPS | Đồng /CP | (2.505) | 4.543 |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của CTCP 28 Quảng Ngãi

**14. Tài sản****14.1. Tài sản cố định**

Tình hình tài sản của công ty tính đến thời điểm 31/12/2018 như sau:

Bảng 18. Diễn biến tài sản cố định

Đơn vị: Đồng

| STT | Chỉ tiêu | Nguyên giá | Giá trị còn lại | % Giá trị còn lại / Nguyên giá |
|-----------|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------------------|
| I | Tài sản cố định hữu hình | 36.057.614.214 | 11.586.211.249 | 32,13% |
| 1 | Nhà cửa, vật kiến trúc | 13.394.325.563 | 6.486.905.707 | 48,43% |
| 2 | Máy móc thiết bị | 18.020.055.746 | 4.726.692.866 | 26,23% |
| 3 | Phương tiện vận tải | 2.345.348.262 | 220.452.121 | 9,40% |
| 4 | Thiết bị, dụng cụ quản lý | 2.297.884.643 | 152.160.555 | 6,62% |
| II | Tài sản cố định vô hình | - | - | - |
| | Tổng cộng | 36.057.614.214 | 11.586.211.249 | 32,13% |

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2018 của CTCP 28 Quảng Ngãi

14.2. Đất đai

Hiện nay, Công ty cổ phần 28 Quảng Ngãi đang quản lý 01 cơ sở đất với diện tích 10.685,3 m² là nơi đặt trụ sở của Công ty với thông tin chi tiết như sau:

- Địa chỉ: Số 121 Lê Trung Đình, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi.
- Diện tích: 10.685,3 m², diện tích sử dụng: 6.497 m².
- Hình thức: Thuê 49 năm với Bộ Quốc phòng, bắt đầu từ năm 2012.
- Hiện trạng sử dụng đất: Đặt trụ sở Công ty và các phân xưởng sản xuất.

**15. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo****15.1. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức****Bảng 19. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo**

Đơn vị: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2018 | Năm 2019 | | Năm 2020 (*) |
|-----|---|-----------|----------|-----------------------------|-----------------|
| | | Thực hiện | Kế hoạch | % tăng/giảm so với năm 2018 | |
| 1 | Vốn điều lệ | 15.110 | 15.110 | 0% | - |
| 2 | Doanh thu thuần | 280.511 | 302.000 | 7,66% | - |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 7.914 | 4.700 | (40,61%) | - |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | 6.864 | 3.760 | (42,22%) | - |
| 5 | Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần | 2,45% | 1,24% | - | - |
| 6 | Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế /Vốn điều lệ | 45,42% | 24,88% | - | - |
| 7 | Cổ tức (trên mệnh giá) | 15% | 12% | - | - |

Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 của CTCP 28 Quảng Ngãi

Năm 2018, Công ty ghi nhận khoản lợi nhuận bất thường 2,4 tỷ đồng do hoàn nhập giá trị hàng tồn kho từ năm 2017 chuyển sang theo quy định của chế độ kế toán. Kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2019 đặt ra trên cơ sở Công ty hoạt động bình thường và loại trừ những khoản thu nhập và chi phí đột biến phát sinh (nếu có) trong kỳ.

Năm 2019, Công ty đặt kế hoạch kinh doanh tương đối thận trọng, với doanh thu thuần tăng trưởng 7,66%, lợi nhuận trước thuế và sau thuế giảm lần lượt 40,61% và 42,22% so với năm 2018 (Nếu loại trừ khoản lợi nhuận bất thường 2,4 tỷ đồng năm 2018 đã nêu, lợi nhuận sau thuế theo kế hoạch năm 2019 giảm 15,77% so với năm 2018). Nguyên nhân của kế hoạch kinh doanh thận trọng nêu trên là do những khó khăn hiện hữu trong năm 2019 như: thiếu hụt đơn hàng sản xuất dẫn đến việc phải nhận gia công sản phẩm dẫn tới biên lợi nhuận thấp, công tác tuyển dụng lao động gặp nhiều khó khăn và đặc biệt việc thay đổi nhân sự cấp cao đòi hỏi quá trình chuyển giao và nắm bắt tình hình Công ty, ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Công ty đánh giá năm 2019 là năm bản lề cho việc đổi mới, cải tổ toàn diện và định hướng lại chiến lược kinh doanh, nhằm tạo sự chuẩn bị vững vàng để có thể đẩy mạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh cho giai đoạn tiếp theo.

(*) Công ty thực hiện xây dựng kế hoạch theo từng năm nên chưa có số liệu kế hoạch năm 2020.

15.2. Căn cứ để đạt được kế hoạch

Nhằm đảm bảo triển khai thực hiện đồng bộ, phối hợp chặt chẽ giữa các bộ phận để hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra, năm 2019 Công ty sẽ thực hiện các giải pháp cụ thể như sau:

• Giải pháp về tổ chức sản xuất, kinh doanh

- Thường xuyên phối hợp với khách hàng để xác nhận các đơn hàng, chủ động cập nhật thông tin để đảm bảo nguồn hàng sản xuất trước 03 tháng;
- Tổ chức họp định kỳ hàng tháng để xem xét tình hình xác nhận đơn hàng của các tháng sau, rà soát và làm tốt công tác chuẩn bị nguyên phụ liệu, mẫu mã...
- Xây dựng mô hình tổ chức sản xuất hiện đại, đảm bảo tinh gọn và hiệu quả; Tính toán phương án sản xuất kinh doanh tối ưu nhất để vừa tiết kiệm vừa mang lại hiệu quả kinh tế cao; Đảm bảo các sản phẩm đạt chất lượng, đảm bảo kế hoạch giao hàng đáp ứng yêu cầu của khách hàng;
- Mở rộng và phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh dựa trên thế mạnh của Công ty; tiếp tục xây dựng mối quan hệ với các đơn vị, khách hàng với nhiều phương thức hợp tác cụ thể nhằm đảm bảo lợi ích cho các bên. Đầu tư cơ sở vật chất kỹ thuật để tạo điều kiện thuận lợi trong sản xuất kinh doanh, coi đây là yếu tố tạo ra nguồn lực có tính quyết định tới sự phát triển bền vững của Công ty;
- Phân công nhiệm vụ phù hợp với trình độ năng lực, chuyên môn hoá cao nhằm phát huy tối đa tính chủ động sáng tạo của các bộ phận, cá nhân;
- Ban lãnh đạo Công ty: Thực hiện các biện pháp quản lý điều hành hiệu quả, xây dựng và kiểm tra việc thực hiện các quy chế quản lý nội bộ; Các phòng ban thực hiện các chức năng theo nhiệm vụ cụ thể, đảm bảo cho bộ máy toàn Công ty hoạt động nhịp nhàng, hiệu quả;
- Phát huy tính chủ động sáng tạo của Phòng ban, Phân xưởng trong điều hành sản xuất đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả cao nhất.
- Tối ưu hóa các thao tác vận hành, áp dụng các định mức kinh tế - kỹ thuật theo tiêu chuẩn;



- Thường xuyên cập nhật, cải tiến quy trình hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008;
- Tiếp tục đầu tư nâng cao chất lượng lao động, chú trọng công tác đào tạo và đẩy mạnh chương trình thi đua trong sản xuất, khuyến khích người lao động chủ động, tích cực phát huy sáng kiến, cải tiến thao tác nhằm nâng cao tay nghề;
- Nâng cao công tác quản trị khâu quản lý sản xuất, thường xuyên cán bộ quản lý tham dự các lớp đào tạo dài ngày, ngắn ngày để nâng cao công tác quản trị;
- Chú trọng công tác đảm bảo chất lượng, thường xuyên kiểm tra giám sát chặt chẽ từng công đoạn trong quá trình sản xuất để đảm bảo chất lượng sản phẩm không bị lỗi;
- **Giải pháp đầu tư tăng năng lực sản xuất**
 - Tiếp tục nâng cấp nhà xưởng, đầu tư cải tiến máy móc thiết bị nhằm đảm bảo khả năng đáp ứng các đơn hàng cũng như đáp ứng được với sự thay đổi của thị trường thời trang, từ đó tạo cơ sở vững chắc để thu hút các khách hàng tiềm năng;
- **Giải pháp về thị trường**
 - Giữ ổn định khách hàng truyền thống với các sản phẩm chất lượng cao phù hợp công nghệ sản xuất của Công ty; tích cực tìm kiếm để mở rộng, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu và nội địa để tăng hiệu quả kinh doanh và hạn chế rủi ro;
 - Tranh thủ ủng hộ của các cơ quan chức năng của các Bộ ngành trong và ngoài quân đội; Tăng cường hợp tác bằng các hình thức liên doanh, liên kết với các đối tác để đem lại hiệu quả cao và bền vững;
 - Chú trọng công tác nghiên cứu, phân tích, đánh giá và dự báo thị trường nhằm tận dụng cơ hội và hạn chế rủi ro;
- **Giải pháp tài chính**
 - Đưa ra các giải pháp huy động và quản lý nhằm sử dụng tối đa nguồn vốn cho sản xuất và đầu tư;
 - Theo dõi sát tình hình công nợ, vốn lưu động, đảm bảo vòng quay vốn đạt hiệu quả;
 - Giao nhiệm vụ cho các đơn vị, đẩy mạnh công tác kiểm tra, kiểm soát chi phí, xây dựng định mức các khoản chi nhằm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tạo cơ sở nâng cao hiệu quả kinh doanh;



• **Giải pháp về lao động**

- Rà soát lại toàn bộ bộ máy nhân sự, kiện toàn tổ chức, tái cấu trúc lại bộ máy quản lý, điều hành phù hợp với mô hình mới theo hướng tinh gọn; hạn chế tối đa lực lượng lao động gián tiếp, sắp xếp lại và chuyển lực lượng gián tiếp dư thừa sang lực lượng sản xuất trực tiếp;
- Tiếp tục đào tạo, đào tạo lại nguồn nhân lực cho phù hợp với quy mô công ty cả về số lượng và chất lượng;
- Tổ chức thanh toán tiền lương, tiền thưởng và chế độ bảo hiểm theo đúng quy định và đúng thời gian, phấn đấu rút ngắn thời gian trả lương cho người lao động;
- Xây dựng và duy trì chính sách lương, thưởng... linh hoạt và phù hợp cho từng công đoạn để đảm bảo nguồn thu nhập ổn định cho người lao động, từ đó làm cơ sở cho việc tuyển dụng lao động mới thay thế dần những lao động sản xuất đã lớn tuổi;
- Đảm bảo công tác hành chính – hậu cần để tạo môi trường làm việc gắn bó cho người lao động;

• **Giải pháp tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí**

- Thực hiện triệt để các biện pháp quản lý chi phí trong quá trình sản xuất kinh doanh, Xây dựng hệ thống định mức kỹ thuật tiên tiến, khoán chi phí cho tập thể, cá nhân sử dụng hiệu quả tiết kiệm: Vật tư, phụ tùng, văn phòng phẩm, xăng dầu, điện, điện thoại, chi phí xuất nhập khẩu...
- Thường xuyên đánh giá các nhà cung cấp nguyên phụ liệu, phụ tùng vật tư để lựa chọn nhà cung cấp tốt nhất, nhà cung cấp lớn theo quy hoạch mặt hàng, sản phẩm chuyên biệt.
- Thực hiện nghiêm phần mềm quản lý sản xuất ở tất cả các đơn vị gắn với thực hiện nâng cấp LEAN trong toàn Công ty để phát huy hiệu quả quản lý góp phần tăng năng suất lao động.
- Đề ra các biện pháp chống tham nhũng, lãng phí như: Thực hiện kê khai tài sản đối với cán bộ đảng viên theo chủ trương đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước; giám sát việc kê khai tài sản của các đối tượng kê khai; đưa ra các quy chế quản lý tài chính, vật tư thiết bị, thanh toán tiền lương v.v... giám sát việc thực hiện các quy chế và Điều lệ của Công ty.

Ồ PH
GÂN
HÁT
-CH
H
AN 1



- Có chế độ khen thưởng xứng đáng cho những tập thể cá nhân có thành tích trong tiết kiệm, chống tham nhũng, lãng phí.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Không có.

17. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

Với mục tiêu trở thành thành một trong những doanh nghiệp Dệt may hàng đầu khu vực miền Trung, nâng cao năng lực cạnh tranh, uy tín và thương hiệu Công ty ở trong nước và nước ngoài cùng phương châm phát triển bền vững, lấy mục tiêu hiệu quả trong sản xuất kinh doanh có lãi để bảo tồn và phát triển vốn làm đầu, đảm bảo đời sống cho người lao động và lợi ích tối đa cho các cổ đông, Công ty cụ thể hóa bằng các chỉ tiêu như sau:

- Tổ chức sản xuất hàng FOB tương ứng 90% năng lực sản xuất; Tự chủ làm hàng FOB trực tiếp với nước ngoài (cấp 2) không qua văn phòng đại diện của khách hàng; tự thiết kế, sản xuất theo hình thức ODM.
- Doanh thu tăng trưởng 5%/năm.
- Thu nhập người lao động tăng từ 7%/năm, năm 2019 phấn đấu thu nhập từ 7,0 đến 7,5 triệu đồng/người/tháng.
- Trả cổ tức cho các cổ đông từ 5% trở lên.
- Cải thiện các chỉ tiêu năng suất và chất lượng sản phẩm.

Theo đó, Công ty đề ra những chiến lược phát triển cụ thể về các phương diện như sau:

17.1. Chiến lược về thị trường

- Tập trung vào thị trường Châu Âu, Mỹ và Nhật Bản, phát triển thêm thị trường trong nước và từng bước mở rộng sang thị trường của nước khác trong khu vực.
- Trực tiếp lựa chọn nhà cung cấp nguyên phụ liệu với giá cả hợp lý nhằm nâng cao biên lợi nhuận, góp phần gia tăng hiệu quả hoạt động.
- Tích cực đầu tư và hợp tác đầu tư liên doanh, liên kết với các đơn vị cùng ngành nghề để tận dụng năng lực, mở rộng sản xuất. Phát triển thêm các phương thức kinh doanh hàng nội địa, ngành nghề khác khi có điều kiện.

74
ÔNG
: CHỦ
ÀNG
RIỂN
: ANH T
CHÍ
T.P.H

17.2. Chiến lược quản trị doanh nghiệp

- Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức Công ty, hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần có tính chuyên môn hoá cao trong lĩnh vực may mặc truyền thống với trình độ quản lý tiên tiến, hiện đại.
- Đổi mới phương thức quản trị doanh nghiệp theo hướng phân quyền cụ thể cho từng cấp quản trị, gắn trách nhiệm với quyền lợi theo hướng đạt hiệu quả cao thì được hưởng lương cao, được đề bạt giữ trọng trách cao hơn trong bộ máy quản lý và ngược lại, có biện pháp xử lý khi thực thi công việc không hiệu quả hoặc không đạt kế hoạch được giao.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý doanh nghiệp, đưa vào sử dụng các phần mềm quản lý như: nhân sự, tiền lương, công nợ, quản lý vật tư thiết bị, kế toán.
- Tăng cường hơn nữa công tác đào tạo bồi dưỡng, phát triển nguồn nhân lực, trong đó đặc biệt chú trọng công tác nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập ngày càng cao của Công ty với ngành Dệt may thế giới.
- Xây dựng chiến lược quản trị doanh nghiệp, quản trị tài chính phù hợp điều kiện phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo kinh doanh có lãi, và hiệu quả trong sử dụng nguồn vốn.
- Tăng cường công tác quản trị các nguồn thu, đảm bảo ổn định hoạt động kinh doanh.
- Tăng cường cơ chế giám sát tài chính, kiểm soát quản lý dự án chặt chẽ, tuân thủ các quy định của nhà nước về đầu tư xây dựng cơ bản.

17.3. Chiến lược đầu tư

- Tiếp tục đầu tư máy móc thiết bị chuyên dùng nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm theo hướng hiện đại, công nghệ mới và tiên tiến đáp ứng yêu cầu sản xuất, đảm bảo tất cả sản phẩm đảm bảo được yêu cầu kỹ thuật và đáp ứng được tiến độ giao hàng.
- Có kế hoạch mở rộng sản xuất, cải tạo văn phòng, nhà kho, xưởng cắt, đầu tư trang bị và đầu tư máy móc thiết bị cho các đơn vị, góp phần nâng cao năng suất lao động.

17.4. Chiến lược về vốn

- Tận dụng triệt để các nguồn vốn tiềm năng hiện tại: Công ty là doanh nghiệp sản xuất xuất khẩu chiếm tỷ trọng lớn nên có nguồn thu ngoại tệ là chính, vì vậy sẽ tiếp tục tận dụng vay ngắn hạn ngoại tệ ngân hàng với lãi suất thấp, kết hợp với vay dài hạn ngân hàng và tín dụng thương mại từ khách hàng.



- Xây dựng và phát triển nguồn lực về tài chính đủ mạnh đảm bảo vốn cho đầu tư và sản xuất kinh doanh, xem xét đến khả năng huy động các nguồn vốn khác như phát hành trái phiếu hoặc tăng vốn điều lệ thông qua việc phát hành thêm cổ phiếu, trả cổ tức bằng cổ phiếu.

17.5. Chiến lược về công nghệ

- Lập kế hoạch thay thế dần phụ tùng máy móc, thiết bị, dụng cụ, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho nhu cầu sản xuất. Đảm bảo phù hợp với mặt hàng sản xuất tại từng đơn vị, trình độ tay nghề của người lao động.
- Đầu tư trang bị máy móc thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến, đảm bảo năng suất phù hợp với sự thay đổi thời trang của thị trường.

17.6. Chiến lược phát triển nguồn nhân lực

- Đào tạo và đào tạo lại công nhân hiện hữu của Công ty cho các khu vực, đảm bảo lương sản phẩm của công nhân tối thiểu đạt mức lương tối thiểu vùng và có thu nhập trung bình khá nhằm tạo sự cạnh tranh với các đơn vị cùng ngành và ngoài ngành, làm tiền đề cho việc thu hút lao động.
- Có chính sách tuyển dụng thích hợp và linh hoạt cho từng khu vực, từng nhà máy trong từng giai đoạn nhất định, nhằm kiện toàn bộ máy quản lý toàn hệ thống. Đặc biệt là cán bộ cấp trung chuẩn bị nguồn nhân lực lãnh đạo sau này.
- Xây dựng và duy trì chính sách lương, thưởng linh hoạt để đảm bảo thu nhập ổn định cho người lao động, làm cơ sở cho việc tuyển dụng lao động thay thế dần số lao động lớn tuổi.

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty

Không có.

II. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng Quản trị

1.1. Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị

Bảng 20. Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị Công ty

| TT | Họ và tên | Chức danh | Ghi chú |
|----|------------------------|---------------|----------------------------|
| 1 | Ông Nguyễn Quyết Thắng | Chủ tịch HĐQT | Thành viên không điều hành |





| TT | Họ và tên | Chức danh | Ghi chú |
|----|------------------|---|----------------------|
| 2 | Ông Lê Đức Khiêm | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | Thành viên điều hành |
| 3 | Ông Vũ Công Vinh | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc | Thành viên điều hành |

1.2. Sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng Quản trị**1.2.2. Ông Nguyễn Quyết Thắng**

- Ngày tháng năm sinh: 16/04/1969
- Quê quán: Trực Ninh, Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 024227280, ngày cấp: 21/05/2009 tại Công an TP. Hồ Chí Minh
- Địa chỉ thường trú: 40/18 Lê Đức Thọ, Phường 7, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Ngoại ngữ: Anh văn
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần 28 Đà Nẵng; Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28.
- Quá trình công tác:

| | |
|----------------------|---|
| Từ 04/2007 – 03/2012 | Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp – Công ty CP 28 Hưng Phú – trực thuộc Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 |
| Từ 04/2012 – 07/2016 | Tổng Giám đốc Công ty CP Bình Phú – trực thuộc Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 |
| Từ 08/2016 – 12/2016 | Phó Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp - Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 |
| Từ 01/2017 – 07/2016 | Trưởng phòng Kế hoạch Tổng hợp - Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 |
| Từ 08/2017 – 12/2017 | Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh - Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 |
| Từ 01/2018 - nay | Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 Tổng Giám đốc Công ty CP 28 Đà Nẵng – trực thuộc Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 |





| |
|--|
| Chủ tịch HĐQT Công ty CP 28 Quảng Ngãi |
|--|

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - Đại diện phần vốn của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28: 640.611 cổ phần, tương đương 42,39% vốn điều lệ
 - Cá nhân sở hữu: Không
 - Sở hữu của người có liên quan:

| Họ tên cá nhân/ tổ chức có liên quan | Mối quan hệ | Số lượng cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
|---|---|-----------------------------|------------------|
| Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 | Đại diện phần vốn góp, Tổng Giám đốc Công ty con | 640.611 | 42,39% |

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Theo quy định pháp luật hiện hành và điều lệ Công ty.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

1.2.2. Ông Lê Đức Khiêm

- Ngày tháng năm sinh: 05/11/1973
- Quê quán: Điện Bàn, Quảng Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 201251978, ngày cấp: 15/05/2010 tại Công an Tp. Đà Nẵng
- Địa chỉ thường trú: K 448/61 Trưng Nữ Vương, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Kế toán
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

| | |
|----------------------|---|
| Từ 07/1999 – 02/2003 | Nhân viên Phòng Tài chính – Hành chính – Chi nhánh Công ty 28 tại Đà Nẵng |
| Từ 02/2003 – 06/2004 | Phụ trách phòng Nghiệp vụ – Chi nhánh Công ty 28 tại Đà Nẵng |
| Từ 07/2004 – 01/2005 | Phó Giám đốc – Chi nhánh Công ty 28 tại Đà Nẵng |



| | |
|----------------------|---|
| Từ 01/2005 – 12/2008 | Quyền Giám đốc – Chi nhánh Công ty 28 tại Đà Nẵng |
| Từ 01/2009 – 06/2009 | Tổng Giám đốc – Công ty CP 28 Đà Nẵng |
| Từ 07/2009 – 06/2014 | Kế toán trưởng – Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 |
| Từ 07/2014 – 06/2016 | Phó Tổng Giám đốc – Công ty CP 28 Hưng Phú |
| Từ 01/07- 31/07/2016 | Phó Tổng Giám đốc – Công ty CP Bình Phú |
| Từ 08/2016 – 03/2019 | Tổng Giám đốc – Công ty CP Bình Phú |
| Từ 03/2019 – nay | Tổng Giám đốc – Công ty CP 28 Quảng Ngãi |
| Từ 05/2019 – nay | Thành viên HĐQT Công ty CP 28 Quảng Ngãi |

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - Đại diện phần vốn của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28: 349.424 cổ phần, tương đương 29,08% vốn điều lệ.
 - Cá nhân sở hữu: Không.
 - Sở hữu của người có liên quan:

| Họ tên cá nhân/ tổ chức có liên quan | Mối quan hệ | Số lượng cổ phần năm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
|---|-----------------------|-----------------------------|---------------|
| Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 | Đại diện phần vốn góp | 349.424 | 29,08% |

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Theo quy định pháp luật hiện hành và điều lệ Công ty.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

1.2.3. Ông Vũ Công Vinh

- Ngày tháng năm sinh: 26/09/1978
- Quê quán: Sơn Tịnh – Quảng Ngãi
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 212179844, ngày cấp: 31/03/2011 tại Công an Tỉnh Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú: 79 Võ Tùng, Phường Trần Hưng Đạo, Tp. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh



- Ngoại ngữ: Anh văn
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

| | |
|----------------------|--|
| Từ 10/2003 – 10/2006 | Nhân viên Phòng kế hoạch – Chi nhánh Công ty 28 tại Quảng Ngãi |
| Từ 11/2006 – 07/2010 | Phó trưởng phòng Kế hoạch – Công ty CP 28 Quảng Ngãi |
| Từ 08/2010 – 10/2011 | Trưởng phòng Kinh doanh – Công ty CP 28 Quảng Ngãi |
| Từ 11/2011 – nay | Phó Tổng Giám đốc – Công ty CP 28 Quảng Ngãi Thành viên HĐQT – Công ty CP 28 Quảng Ngãi |

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - Đại diện phần vốn của Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28: 174.712 cổ phần, tương đương 11,56% vốn điều lệ
 - Cá nhân sở hữu: 24.600 cổ phần, tương đương 1,63% vốn điều lệ
 - Sở hữu của người có liên quan:

| Họ tên cá nhân/ tổ chức có liên quan | Mối quan hệ | Số lượng cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ nắm giữ |
|---|-----------------------|-----------------------------|---------------|
| Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 | Đại diện phần vốn góp | 174.712 | 11,56% |

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Theo quy định pháp luật hiện hành và điều lệ Công ty.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

**2. Ban kiểm soát****2.1. Danh sách thành viên Ban Kiểm soát****Bảng 21. Danh sách thành viên Ban kiểm soát của Công ty**

| TT | Họ và tên | Chức danh | Ghi chú |
|----|-----------------------|----------------|-------------------------|
| 1 | Bà Trần Thị Mỹ | Trưởng BKS | Thành viên kiêm nhiệm |
| 2 | Bà Bùi Thị Minh Nga | Kiểm soát viên | Thành viên kiêm nhiệm |
| 3 | Bà Phạm Thị Kim Luyến | Kiểm soát viên | Thành viên chuyên trách |

2.2. Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Kiểm soát**2.2.1. Bà Trần Thị Mỹ**

- Ngày tháng năm sinh: 17/12/1964
- Quê quán: Cần Thơ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 020756685, ngày cấp: 15/05/2015 tại: Công an Tp. Hồ Chí Minh
- Địa chỉ thường trú: 341/79A Lạc Long Quân, Phường 5, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán tài chính và Quản trị Kinh doanh
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Kế toán trưởng – Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28
- Quá trình công tác:

| | |
|----------------------|--|
| Từ 1987 - 1991 | Nhân viên Kế toán – Xí nghiệp May Hòa Bình |
| Từ 1991 - 1995 | Phó Phòng Tài chính Kế toán – Công ty May Độc Lập |
| Từ 1995 - 1996 | Phó Phòng Tài chính Kế toán – Công ty May in Hữu Nghị |
| Từ 1997 - 06/1998 | Trưởng phòng Kế toán – Công ty Xi măng Chinfon Hải Phòng |
| Từ 07/1998 - 08/2001 | Nhân viên Kế toán – Công ty 28 |
| Từ 10/2001 - 06/2014 | Phó phòng Tài chính Kế toán – Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 |



| | |
|------------------|---|
| Từ 07/2014 - nay | Kế toán trưởng – Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 |
| Từ 05/2017 - nay | Trưởng ban Kiểm soát – Công ty CP 28 Quảng Ngãi |

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - Đại diện phần vốn: Không
 - Cá nhân sở hữu: Không
 - Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Theo quy định pháp luật hiện hành và điều lệ Công ty.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

2.2.2. Bà Bùi Thị Minh Nga

- Ngày sinh: 18/02/1977
- Quê quán: Vụ Bản – Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CCCD: 001177010629, ngày cấp: 210/08/2016 do Cục Cảnh sát ĐKQL và DLQG cấp
- Địa chỉ thường trú: TDP số 6, Phường Phú Diễn, Quận Bắc Từ Liêm, Tp. Hà Nội
- Chỗ ở hiện tại: 496/46/15A Dương Quảng Hàm, Phường 6, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán
- Ngoại ngữ: Anh văn
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính Kế toán – Công ty cổ phần Bình Phú
- Quá trình công tác:

| | |
|----------------------|--|
| Từ 06/2001 - 03/2002 | Nhân viên Kế toán – Xí nghiệp Dệt Quân đội – Công ty 28 |
| Từ 04/2002 - 09/2005 | Nhân viên Kế toán tổng hợp – Xí nghiệp 3 – Công ty 28 |
| Từ 10/2005 - 04/2010 | Nhân viên Kế toán tổng hợp – Công ty CP Bình Phú – trực thuộc Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 |



| | |
|------------------|--|
| Từ 05/2010 - nay | Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính Kế toán – Công ty CP Bình Phú – trực thuộc Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28 |
| Từ 05/2018 - nay | Thành viên Ban kiểm soát – Công ty CP 28 Quảng Ngãi |

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - Đại diện phần vốn: Không
 - Cá nhân sở hữu: Không
 - Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Theo quy định pháp luật hiện hành và điều lệ Công ty.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

2.2.3. Bà Phạm Thị Kim Luyện

- Ngày sinh: 05/11/1981
- Quê quán: Bình Sơn – Quảng Ngãi
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 212153026, ngày cấp: 31/10/2014 tại: Công an Tỉnh Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú: Tổ 14, Phường Trần Phú, Tp. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Ngoại ngữ: Anh văn
- Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Nhân viên Phòng Hành chính Hậu cần - Thành viên Ban kiểm soát
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

| | |
|----------------------|--|
| Từ 07/2004 - 04/2005 | Nhân viên Kế toán – Công ty Cơ giới và Xây lắp Việt Đức |
| Từ 05/2005 - 12/2015 | Nhân viên Phòng Kế hoạch Kinh doanh - Công ty CP 28 Quảng Ngãi |
| Từ 01/2016 - nay | Nhân viên Phòng Hành chính Hậu cần - Công ty CP 28 Quảng Ngãi |
| Từ 05/2016 - nay | Thành viên ban Kiểm soát - Công ty CP 28 Quảng Ngãi |

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - Đại diện phần vốn: Không





- Cá nhân sở hữu: 3.900 cổ phần, tương đương 0,26% vốn điều lệ
- Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Theo quy định pháp luật hiện hành và điều lệ Công ty.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

3. Ban Điều hành

3.1. Danh sách thành viên Ban điều hành

Bảng 22. Danh sách thành viên Ban điều hành Công ty

| TT | Họ và tên | Chức danh | Ghi chú |
|----|-------------------------|-------------------|-------------------|
| 1 | Ông Lê Đức Khiêm | Tổng giám đốc | Phó chủ tịch HĐQT |
| 2 | Ông Vũ Công Vinh | Phó tổng giám đốc | Thành viên HĐQT |
| 3 | Ông Chu Quang Thắng | Phó tổng giám đốc | |
| 4 | Bà Nguyễn Thị Thanh Nga | Kế toán trưởng | |

3.2. Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Điều Hành

3.2.1. Ông Lê Đức Khiêm: Xem tại mục 1.2.2

3.2.2. Ông Vũ Công Vinh: Xem tại mục 1.2.3

3.2.3. Ông Chu Quang Thắng:

- Ngày sinh: 30/05/1974
- Quê quán: Ứng Hòa – Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 024895401, ngày cấp 18/04/2013 tại Công an Tp. Hồ Chí Minh
- Địa chỉ thường trú: 782/11 Phạm Văn Bạch, Phường 12, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh



74
ÔNG
CHỦ
ÔNG Đ
IÊN V
NH T
CHÍ M
P H



- Chức đang nắm giữ tại Công ty: Phó Tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

| | |
|----------------------|--|
| Từ 2004 - 2010 | Nhân viên Phòng Kế hoạch Kinh doanh - Công ty TNHH MTV 28.1 |
| Từ 2011 – 02/2013 | Phó Phòng Kế hoạch Kinh doanh - Công ty TNHH MTV 28.1 |
| Từ 03/2013 – 03/2019 | Trưởng phòng Kế hoạch Kinh doanh – Xí nghiệp May đo quân đội (trực thuộc Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28) |
| Từ 04/2019 – nay | Phó Tổng giám đốc kiêm Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh – CTCP 28 Quảng Ngãi |

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - Đại diện phần vốn: Không
 - Cá nhân sở hữu: Không
 - Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Theo quy định pháp luật hiện hành và điều lệ Công ty.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

3.2.4. Bà Nguyễn Thị Thanh Nga

- Ngày sinh: 02/01/1978
- Quê quán: Nghĩa Thành – Quảng Ngãi
- Quốc tịch: Việt Nam
- Số CMND: 212056518, ngày cấp 25/10/2011 tại Công an Tỉnh Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú: Tổ 16, Phường Chánh Lộ, Tp. Quảng Ngãi, Tỉnh Quảng Ngãi
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán





- Ngoại ngữ: Tiếng Anh
- Chức đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Quá trình công tác:

| | |
|----------------------|--|
| Từ 12/2003 – 12/2006 | Nhân viên Phòng Kế toán Chi nhánh Quảng Ngãi – Tổng Công ty 28 |
| Từ 01/2007 – 08/2011 | Nhân viên Phòng Kế toán – Công ty CP 28 Quảng Ngãi |
| Từ 09/2011 - nay | Trưởng phòng Tài chính kế toán – Kế toán trưởng – Công ty CP 28 Quảng Ngãi |

- Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong Công ty:
 - Đại diện phần vốn: Không
 - Cá nhân sở hữu: Không
 - Sở hữu của người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Thù lao và lợi ích khác nhận được từ Công ty: Theo quy định pháp luật hiện hành và điều lệ Công ty.
- Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

4. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Nhằm hướng tới sự đổi mới và nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị công ty đại chúng, tại kỳ họp ĐHCĐ thường niên năm 2017, các cổ đông trong Công ty đã nhất trí sửa đổi Điều lệ lần thứ nhất. Theo đó, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được soạn dựa theo Điều lệ mẫu quy định tại Thông tư số 95/2017/TT-BTC hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐC về Quản trị Công ty đại chúng. Công ty đã có sự tách bạch giữa Chủ tịch HĐQT và Tổng Giám đốc nhằm hướng tới sự độc lập, khách quan giữa công tác quản trị và điều hành.

Công ty sẽ tiếp tục rà soát nhằm kiện toàn bộ máy quản lý, tiếp tục thực hiện tái cơ cấu tổ chức và ban hành các văn bản, quy chế nhằm tuân Điều lệ của Công ty và các quy định của



pháp luật. Công ty sẽ tập trung nâng cao toàn diện công tác quản trị trong các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, nhân sự, đào tạo... bao gồm:

- Xây dựng và trình ĐHCĐ thông qua quy chế Quản trị nội bộ về quản trị công ty, đồng thời hoàn thiện bộ quy chế quản lý làm cơ sở cho việc điều hành, quản trị Công ty đảm bảo đúng Điều lệ Công ty và Quy định của Pháp luật;
- Tăng cường phối hợp trong quá trình hoạt động của BKS để phát hiện sớm các bất cập, có biện pháp phòng ngừa và xử lý kịp thời, hạn chế rủi ro trong hoạt động tài chính;
- Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức công ty nhằm hướng tới sự tinh gọn, hiệu quả, với hoạt động Công ty cổ phần và xu hướng phát triển của nền kinh tế thị trường;
- Đào tạo và đào tạo lại đội ngũ người lao động để phát triển nguồn nhân lực của Công ty mạnh về mọi mặt, đảm bảo cả về số lượng và chất lượng, công nhân có tay nghề cao, cán bộ quản lý có trình độ chuyên môn vững chắc nhằm phù hợp với cơ chế quản lý tiên tiến, hiện đại;
- Thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin định kỳ và bất thường theo quy định đối với công ty đại chúng, đồng thời sau khi cổ phiếu của Công ty được đưa vào giao dịch trên thị trường UPCoM, Hội đồng quản trị sẽ ban hành quy trình công bố thông tin nhằm đảm bảo tính đầy đủ và kịp thời theo đúng quy định của pháp luật về chứng khoán và quy chế giao dịch của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Hiện tại, Cơ cấu thành viên BKS của Công ty chưa đáp ứng đúng theo các tiêu chuẩn của pháp luật về công ty đại chúng: Trưởng Ban kiểm soát chưa là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và chưa làm việc chuyên trách tại công ty. Trong thời gian tới, Công ty sẽ kiện toàn bộ máy quản trị theo đúng quy định của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 trong thời gian sớm nhất;

III. PHỤ LỤC

1. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
2. Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2018.





**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH
CÔNG TY CỔ PHẦN 28 QUẢNG NGÃI**



Lê Đức Khiêm





CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM



Ngô Thị Phong Lan

